Mỗi ứng dụng đều sử dụng dữ liệu, dữ liệu có thể đơn giản hay đôi khi là cả 1 cấu trúc. Trong Android thì hệ cơ sở dữ liệu được sử dụng là SQLite Database, đây là hệ thống mã nguồn mở được sử dụng rộng rãi trong các ứng dụng.

Trong Android, cơ sở dữ liệu mà bạn tạo cho 1 ứng dụng thì chỉ ứng dụng đó có quyền truy cập và sử dụng, các ứng dụng khác thì không. Khi đã được tạo, cơ sở dữ liệu SQLite được chứa trong thư mục /data/data/<package\_name>/databases

Các bước thực hiện với CSDL:

- 1. Tạo 1 CSDL (thông thường chỉ cần làm 1 lần)
- 2. Mở CSDL đó
- 3. Thêm giá trị vào trong table
- 4. Truy vấn.
- 5. Đóng CSDL
- I. [Tham khảo] tạo 1 CSDL SQLite, thêm vào CSDL danh sách các user, sau đó lấy dữ liệu từ CSDL hiện lên listview:



Nội dung activity\_main.xml

Nội dung file item\_user.xml

```
<?xml version="1.0" encoding="utf-8"?>
<TextView xmlns:android="http://schemas.android.com/apk/res/android"
    android:id="@+id/tv_user"
    android:layout_width="wrap_content"
    android:layout_height="wrap_content"
    android:padding="@dimen/margin_base"/>
```

 Tạo 1 class DatabaseHelper. Override 2 phương thức onCreate() và onUpgrade() để quản lý việc tạo CSDL và version của CSDL đó.

```
package lab01 1.uit.edu.vn.lab03 2 1.helper;
import android.content.Context;
import android.database.sqlite.SQLiteDatabase;
import android.database.sqlite.SQLiteOpenHelper;
public class DatabaseHelper extends SQLiteOpenHelper {
    private static final String DATABASE_CREATE = "create table users (_id
integer primary key autoincrement, "
            + "name text not null);";
    public DatabaseHelper (Context context, String name,
SQLiteDatabase.CursorFactory factory, int version) {
        super(context, name, factory, version);
        // TODO Auto-generated constructor stub
    @Override
   public void onCreate(SQLiteDatabase db) {
        // TODO Auto-generated method stub
        db.execSQL(DATABASE CREATE);
    @Override
   public void onUpgrade(SQLiteDatabase db, int oldVersion, int newVersion)
        // TODO Auto-generated method stub
        db.execSQL("DROP TABLE IF EXISTS users");
        onCreate(db);
}
```

- Đầu tiên các bạn add 1 class **DbAdapter** để xử lý tất cả các thao tác liên quan đến CSDL. Tất cả các chức năng đó đều được cung cấp bởi lớp SQLiteDatabase, các bạn chỉ cần cụ thể hóa bằng các câu truy vấn là được. Trong ví dụ này sẽ có các hàm mở, đóng CSDL; thêm, xóa, get user...

```
package lab01 1.uit.edu.vn.lab03 2 1.adapter;
import android.content.ContentValues;
import android.content.Context;
import android.database.Cursor;
import android.database.sqlite.SQLiteDatabase;
import lab01 1.uit.edu.vn.lab03 2 1.helper.DatabaseHelper;
public class DbAdapter {
   public static final String KEY ID = " id";
    public static final String KEY NAME = "name";
    private DatabaseHelper dbHelper;
   private SOLiteDatabase sqLiteDatabase;
   private static final String DATABASE NAME = "Database Demo";
    private static final String DATABASE_TABLE = "users";
    private static final int DATABASE VERSION = 2;
    private final Context;
   public DbAdapter(Context ctx) {
       this.context = ctx;
    public DbAdapter open() {
       dbHelper = new DatabaseHelper(context, DATABASE NAME, null,
DATABASE VERSION);
        sqLiteDatabase = dbHelper.getWritableDatabase();
        return this;
    public void close() {
       dbHelper.close();
    public long createUser(String name) {
       ContentValues inititalValues = new ContentValues();
        inititalValues.put(KEY NAME, name);
        return sqLiteDatabase.insert(DATABASE_TABLE, null, inititalValues);
   public boolean deleteUser(long rowId) {
       return sqLiteDatabase.delete(DATABASE TABLE, KEY ID + "=" + rowId,
null) > 0;
    public boolean deleteAllUsers() {
        return sqLiteDatabase.delete(DATABASE TABLE, null, null) > 0;
```

```
public Cursor getAllUsers() {
    return sqLiteDatabase.query(DATABASE_TABLE, new String[]{KEY_ID,
    KEY_NAME}, null, null, null, null);
    }
}
```

#### - Nội dung MainActivity

```
package vn.edu.uit.lab03 2 1;
import android.database.Cursor;
import android.os.Bundle;
import android.support.v7.app.ActionBarActivity;
import android.widget.ArrayAdapter;
import android.widget.ListView;
import java.util.ArrayList;
import java.util.List;
import vn.edu.uit.lab03_2_1.adapter.DbAdapter;
public class MainActivity extends ActionBarActivity {
    private DbAdapter dbAdapter;
    private Cursor cursor;
    private List<String> users;
    @Override
    protected void onCreate(Bundle savedInstanceState) {
        super.onCreate(savedInstanceState);
        setContentView(R.layout.activity main);
        dbAdapter = new DbAdapter(this);
        dbAdapter.open();
        dbAdapter.deleteAllUsers();
        for (int i = 0; i < 10; i++) {</pre>
            dbAdapter.createUser("Nguyễn Văn An " + i);
        users = getData();
        showData();
    private List<String> getData() {
        List<String> users = new ArrayList<>();
        cursor = dbAdapter.getAllUsers();
        while (cursor.moveToNext()) {
users.add(cursor.getString(cursor.getColumnIndex(DbAdapter.KEY NAME)));
        return users;
    }
```

```
private void showData() {
    ListView lvUser = (ListView) findViewById(R.id.lv_user);
    ArrayAdapter<String> userAdapter = new
ArrayAdapter<String> (MainActivity.this, R.layout.item_user, users);
    lvUser.setAdapter(userAdapter);
}
```

## II. [Thực hành] Quản lý Contact

## 1. CSDL dữ liệu có cấu trúc như sau:

Database Name: contactsManager

- Table Name: contacts

Columns	DataType	Key
id	INTEGER	Primary key
name	TEXT	
phone_number	TEXT	

## 2. Hướng dẫn thực hiện

#### a) Tạo một lớp Contact:

```
public class Contact {
    private int id;
    private String name;
    private String phoneNumber;

    //....
}
```

## b) Tạo 1 lớp DatabaseHandler kế thừa từ SQLiteOpenHelper

- Override hàm onCreate() để tạo table
- Override hàm on Upgrade() hủy table cũ, tạo table mới
- Thêm các phương thức để insert, select, update và delete contact

```
import java.util.ArrayList;
import java.util.List;
import android.content.ContentValues;
import android.content.Context;
import android.database.Cursor;
import android.database.sqlite.SQLiteDatabase;
import android.database.sqlite.SQLiteOpenHelper;
public class DatabaseHandler extends SQLiteOpenHelper {
    // All Static variables
    // Database Version
    private static final int DATABASE VERSION = 1;
    // Database Name
    private static final String DATABASE NAME = "contactsManager";
    // Contacts table name
    private static final String TABLE CONTACTS = "contacts";
    // Contacts Table Columns names
    private static final String KEY ID = "id";
    private static final String KEY NAME = "name";
    private static final String KEY PH NO = "phone number";
    public DatabaseHandler(Context context) {
        super(context, DATABASE NAME, null, DATABASE VERSION);
    // Creating Tables
    @Override
    public void onCreate(SQLiteDatabase db) {
        String CREATE CONTACTS TABLE = "CREATE TABLE " +
TABLE CONTACTS + "("
                + KEY ID + " INTEGER PRIMARY KEY," + KEY NAME + "
TEXT,"
                + KEY PH NO + " TEXT" + ")";
        db.execSQL(CREATE CONTACTS TABLE);
    // Upgrading database
    @Override
   public void onUpgrade (SQLiteDatabase db, int oldVersion, int
newVersion) {
        // Drop older table if existed
        db.execSQL("DROP TABLE IF EXISTS " + TABLE CONTACTS);
        // Create tables again
        onCreate(db);
 // Các hàm còn lại: để insert, select, update và delete contact sv tự viết
```

```
// Adding new contact
public void addContact (Contact contact) {}

// Getting single contact
public Contact getContact(int id) {}

// Getting All Contacts
public List<Contact> getAllContacts() {}

// Updating single contact
public int updateContact (Contact contact) {}

// Deleting single contact
public void deleteContact (Contact contact) {}
```

#### c) MainActivity.java

```
public class MainActivity extends Activity {
      @Override
      protected void onCreate(Bundle savedInstanceState) {
            super.onCreate(savedInstanceState);
            setContentView(R.layout.activity main);
            DatabaseHandler db = new DatabaseHandler(this);
        /**
        * CRUD Operations
        * */
        // Inserting Contacts
       Log.d("Insert: ", "Inserting ..");
        db.addContact(new Contact("Ravi", "9100000000"));
       db.addContact(new Contact("Srinivas", "9199999999"));
       db.addContact(new Contact("Tommy", "9522222222"));
       db.addContact(new Contact("Karthik", "9533333333"));
        // Reading all contacts
       Log.e("Reading: ", "Reading all contacts..");
       List<Contact> contacts = db.getAllContacts();
        for (Contact cn : contacts) {
            String log = "Id: "+cn.getID()+" ,Name: " + cn.getName() + "
, Phone: " + cn.getPhoneNumber();
                // Writing Contacts to log
       Log.e("Name: ", log);
    }
```

Kết quả hiển thị hiện tại của ứng dụng (xem tại Log Cat)

```
Insert:
                    Inserting ..
Reading:
                    Reading all contacts ...
Name:
                    Id: 1 ,Name: Ravi ,Phone: 9100000000
                    Id: 2 , Name: Srinivas , Phone: 9199999999
Name:
                    Id: 3 , Name: Tommy , Phone: 9522222222
Name:
                    Id: 4 , Name: Karthik , Phone: 9533333333
Name:
Name:
                    Id: 5 , Name: Ravi , Phone: 9100000000
                    Id: 6 , Name: Srinivas , Phone: 9199999999
Name:
                    Id: 7 , Name: Tommy , Phone: 9522222222
Name:
                    Id: 8 , Name: Karthik , Phone: 9533333333
Name:
```

Sinh viên tùy chỉnh lại code để hiển thị list Contact ra listview. Khi nhấn giữ lâu vào 1 contact nào đó (long click) thì ứng dụng xóa contact đó khỏi Database.

### III. Bài thực hành:

Quản lý danh sách sinh viên, thêm, xem, xóa, sửa, nhấn vào mỗi 1 sinh viên sẽ rat rang chi tiết 1 sinh viên có sử dung Recyclerview và SQLite. Thiết kế giao diện theo cảm nhận của mỗi bạn.

# IV. THAM KHẢO THÊM (Tự xem thêm)

# 1. Cách debug trong Android Studio

- Hướng dẫn: <a href="http://blog.strv.com/debugging-in-android-studio-as/">http://blog.strv.com/debugging-in-android-studio-as/</a>
- Một số phím thường dùng khi debug:
   <a href="http://www.praveenboyalapalli.com/2015/03/how-to-debug-project-android-studio/">http://www.praveenboyalapalli.com/2015/03/how-to-debug-project-android-studio/</a>

#### 2. GreenDao

- <a href="http://greenrobot.org/greendao/">http://greenrobot.org/greendao/</a>
- http://greenrobot.org/greendao/documentation/how-to-get-started/
- https://github.com/greenrobot/greenDAO

## 3. EventBus; cách dùng interface trong Java

- Interface: <a href="http://vietjack.com/java/interface\_trong\_java.jsp">http://www.nguyenvanquan7826.com/2015/04/05/java-su-dung-interface/</a>
- EventBus: <a href="https://github.com/greenrobot/EventBus">https://github.com/greenrobot/EventBus</a>

## 4. NinePatch

- https://developer.android.com/studio/write/draw9patch.html